

Bản án số: 264/2017/HSST.

Ngày: 15/9/2017.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Đắc

2. Bà Nguyễn Thị Kính

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuyền, Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 218/2017/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Thanh T (tên gọi khác: UK); Sinh ngày 26/10/1996 tại Vĩnh Long; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: Ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở: Sống lang thang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Con ông Huỳnh Lâm Đ © và bà Trần Thị H; Tiền án: Không.

-Tiền sự: Ngày 08/4/2010, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng số 4 (Cục V26 – Bộ Công an) tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Thời hạn 24 tháng về hành vi “Cướp giật và trộm cắp tài sản”, đến ngày 08/4/2012 chấp hành xong quyết định.

- Nhân thân: Năm 2008, bị Công an Quận 8 đưa vào Trường giáo dưỡng tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh do sống lang thang. Chấp hành 06 tháng thì được gia đình bảo lãnh về nhà; Ngày 08/7/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 132/2014/HSST.

- Bị bắt tạm giam ngày 03/3/2014 (Có mặt).

2. Nguyễn Hoàng T (tên gọi khác: C); Sinh ngày 27/6/1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Cư trú: 45/11 B, phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Nguyễn Thanh L và bà Cao Hồng M; Vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

- Tiền án: Ngày 06/9/2013, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 103/2013/HSST (chiếm đoạt tài sản trị giá là 33.000.000 đồng). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2013.

- Nhân thân: Ngày 29/9/2014 bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 129/2014/HSST.

- Bị bắt tạm giam ngày 28/02/2014 (Có mặt).

3. Phạm Huỳnh Ngọc L (tên gọi khác: M); Sinh ngày 31/8/1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; ĐKNKTT và chỗ ở: 690/38B N, phường W, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Phạm Văn Q và bà Huỳnh Thị H. Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giam ngày 28/02/2014 (Có mặt).

4. Nguyễn Hoàng L (tên gọi khác: P); Sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: 104/148 N, phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 690/38K N, phường R, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị S; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giam ngày 28/02/2014 (Có mặt).

Người bị hại:

1. Anh Tô Văn P, sinh năm 1986; Cư trú: 1/55D T, Phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Chị Mai Thị Kim H, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

3. Anh Trịnh Văn S, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: 172/194/9 A, Phường Q, Quận A, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Lê Thị Kim N, sinh năm 1977; Cư trú: 2889A/49/2B P, Phường Y, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1993; Cư trú: 446/37/6 P, Phường Q, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

6. Chị Nguyễn Hồng V, sinh năm 1982; Cư trú: 184/8 L, Phường W, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

7. Em Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 31/5/1997; Cư trú: 73/2 B, Phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

8. Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1965; Cư trú: 2889 P, Phường U, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

9. Ông Lê Văn C, sinh năm 1943; Cư trú: 1619/21A P, Phường Q, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

10. Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1979; Cư trú: 2385/38 P, Phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: B7/18 ấp 3, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

11. Anh Lê Văn S, sinh năm 1975; Cư trú: Số 01 Đường số 6 khu dân cư B, Phường W, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

12. Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

13. Chị Lê Thị Kim D, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: 35/87/12/3 C, phường E, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

14. Ông Đào Văn U', sinh năm 1952; Cư trú: 288/A1 N, Phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

15. Anh Đặng Minh T, sinh năm 1967; Cư trú: Kề số 37 R, Phường R, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

16. Anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1984; Cư trú: 38/61/5 đường số 2, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

17. Chị Võ Thị Thu H, sinh năm 1979; Cư trú: 57/7 B, Phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

18. Chị Nguyễn Thị Bích A, sinh năm 1982; Cư trú: 258/25C B, Phường Q, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

19. Anh Nguyễn Kỳ Đ, sinh năm 1980; Cư trú: 0.05 lô A1B chung cư B, Phường W, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Bà Võ Hồng T, sinh năm 1969 (là mẹ ruột em Nguyễn Thị Thúy H); Cư trú: 73/2 B, Phường W, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1960; Cư trú: 446/37/6 P, Phường U, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Chị Đồng Thị Thanh T, sinh năm 1980; Cư trú: 1619/21A P, Phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 24/12/2013, Huỳnh Thanh T rủ Nguyễn Hoàng T1 đi trộm cắp xe gắn máy để bán lấy tiền tiêu xài. T1 điều khiển xe máy chở T đến trước nhà số 83 B, Phường W, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện xe gắn máy hiệu Yamaha Luvias biển số 59L1-600.10 của bà Nguyễn Thị Thúy H, không người trông coi. T1 đứng cảnh giới để T bẻ khóa trộm xe. Sau đó T thay biển số và giao xe cho T1 tìm người tiêu thụ đến ngày 16/02/2014 T và T1 bị công an phát hiện. Tại Cơ quan điều tra T và T1 khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 02/2013 đến tháng 02/2014m các bị cáo đã cùng với

Phạm Huỳnh Ngọc L, Nguyễn Hoàng L1 và các đối tượng L2, T2, H, N, D, H1 (không rõ lai lịch) thực hiện 16 vụ trộm cắp xe gắn máy khác trên địa bàn Quận 8 cụ thể như sau : Huỳnh Thanh T cùng đồng phạm thực hiện 14 vụ trộm cắp, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 224.200.000 đồng. Nguyễn Hoàng T1 thực hiện 10 vụ trộm cắp, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 169.000.000 đồng. Phạm Huỳnh Ngọc L thực hiện 06 vụ trộm cắp, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 47.900.000 đồng. Nguyễn Hoàng L1 thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 23.800.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2015/HSST ngày 20/01/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8, quyết định: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh T (UK), Nguyễn Hoàng T1 (C), Phạm Huỳnh Ngọc L (M), Nguyễn Hoàng L1 (P) phạm tội : Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 138; điểm p, khoản 1 Điều 46; Điều 50 ; Điều 51 ; Điều 53; Điều 69 ; khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: bị cáo Huỳnh Thanh T (UK) 07 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2014/HSST ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân Quận 8, buộc bị cáo Huỳnh Thanh T chấp hành hình phạt chung 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/3/2014.

Áp dụng điểm a, b, e khoản 2, Điều 138; điểm g, khoản 1 Điều 48; điểm p, khoản 1 Điều 46 ; Điều 50 ; Điều 51 ; Điều 53 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T1 (C) 06 (sáu) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2014/HSST ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân Quận 6, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T1 (C) chấp hành hình phạt chung 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2014.

Áp dụng điểm a, b khoản 2, Điều 138; điểm p, khoản 1 Điều 46 ; Điều 53; Điều 69; khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Huỳnh Ngọc L (M) 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2014.

Áp dụng điểm a, b khoản 2, Điều 138; điểm g, khoản 1 Điều 48; điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; khoản 2, 5 Điều 60 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng L1 (P) 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (bị cáo Nguyễn Hoàng L1 được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 28/02/2014 đến ngày 20/01/2015). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo như sau:

- Nguyễn Hoàng T1 và Huỳnh Thanh T có trách nhiệm liên đới (mỗi bị cáo ½) bồi thường cho: anh Nguyễn Kỳ Đ 4.000.000 đồng; anh Nguyễn Đức Đ1 7.000.000 đồng, chị Đồng Thị Thanh T 24.000.000 đồng, anh Lê Văn S 12.000.000 đồng; vợ chồng anh Nguyễn Việt T, chị Lê Thị Kim D 9.500.000 đồng. Mỗi bị cáo bồi thường 28.250.000 đồng.

- Huỳnh Thanh T và Phạm Huỳnh Ngọc L có trách nhiệm liên đới (mỗi bị cáo ½) bồi thường cho ông Đào Văn U 6.800.000 đồng; anh Đặng Minh T 4.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị Ngọc H 8.000.000 đồng. Mỗi bị cáo bồi thường 9.650.000 đồng.

- Huỳnh Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Duy P 11.000.000 đồng; chị Võ Thị Thu H 27.800.000 đồng, chị Huỳnh Thị L 2.500.000 đồng và chị Nguyễn Thị Bích A 21.700.000 đồng.

- Phạm Huỳnh Ngọc L có trách nhiệm bồi thường cho: chị Lê Thị Kim N 9.000.000 đồng; vợ chồng anh Trịnh Văn S và chị Mai Thị Kim H 3.500.000 đồng.

- Nguyễn Hoàng T1 có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Hồng V 8.500.000 đồng.

Tổng cộng số tiền các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại như sau: Huỳnh Thanh T bồi thường 100.900.000đồng, Nguyễn Hoàng T1 bồi thường 40.250.000đồng, Phạm Huỳnh Ngọc L bồi thường 25.650.000đồng.

Về hình phạt bổ sung : áp dụng khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T1 và Huỳnh Thanh T, mỗi bị cáo nộp phạt 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Phạm Huỳnh Ngọc L và Nguyễn Hoàng L1, mỗi bị cáo nộp phạt 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, còn quyết định về án phí, biện pháp xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Ngày 23/01/2015, bị cáo Nguyễn Hoàng T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo khác không kháng cáo, người bị hại không kháng cáo và viện kiểm sát không kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T1, đồng thời đề nghị hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm do có những sai sót về phần giải quyết dân sự tại bản án sơ thẩm nhận định như sau :

- Bị cáo Phạm Huỳnh Ngọc L và Nguyễn Hoàng T1 phải liên đới bồi thường cho anh Tô Văn P 7.000.000 đồng nhưng tại phần quyết định và biên bản nghị án lại không tuyên phần bồi thường này.

- Biên bản nghị án và tại phần quyết định của bản án sơ thẩm thì bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Hoàng T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Kỷ Đ 4.000.000 đồng là không đúng với kết luận định giá (theo biên bản định giá ngày 28/4/2014 thì xe gắn máy hiệu Suzuki biển số 59K1-094.22 của anh Đ trị giá 40.000.000 đồng).

- Biên bản nghị án và tại phần quyết định của bản án sơ thẩm thì bị cáo Huỳnh Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho chị Huỳnh Thị L 2.500.000 đồng là không đúng với kết luận định giá (theo biên bản định giá xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59N2-420.31 của chị L trị giá 26.500.000 đồng).

- Bản án sơ thẩm xử buộc bị cáo Huỳnh Thanh T phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Võ Thị Thu H 27.800.000 đồng và chị Nguyễn Thị Bích A 21.700.000 đồng mà không buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T1 cùng liên đới bồi thường là gây bất lợi cho bị cáo T và các bị hại H, A, vì trong 02 vụ trộm cắp tài sản của chị H và chị A đều có bị cáo T1 tham gia.

- Bản án sơ thẩm xử buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T1 có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng V 8.500.000 đồng mà không buộc bị cáo Huỳnh Thanh T cùng liên đới bồi thường là thiếu sót, gây bất lợi cho bị cáo T1 và bị hại V, vì trong vụ trộm cắp tài sản của chị V có bị cáo T tham gia.

- Bản án sơ thẩm buộc bị cáo Phạm Huỳnh Ngọc L có trách nhiệm bồi thường cho chị Mai Thị Kim H 3.500.000 đồng là không đúng, gây bất lợi cho chị H vì trong vụ án này có bị cáo L1 tham gia (theo định giá thì 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave ZX biển số 59L1-1239 có giá trị 7.000.000 đồng). Gia đình bị cáo L1 đã bồi thường 2.500.000 đồng, như vậy, bị cáo L còn phải bồi thường thêm 4.500.000 đồng chứ không phải là 3.500.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung áp dụng đối với bị cáo Huỳnh Thanh T, buộc bị cáo nộp phạt số tiền 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước trong khi bị cáo là người chưa thành niên tính từ ngày phạm tội đến ngày bị bắt thì bị cáo chưa đủ 18 tuổi là không đúng với khoản 5 Điều 69 Bộ luật hình sự.

Tại bản án phúc thẩm số 262/2015/HSPT ngày 23/4/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a, b, e khoản 2, Điều 138; điểm g, khoản 1 Điều 48; điểm p, khoản 1 Điều 46 ; Điều 50 ; Điều 51 ; Điều 53 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T1 (C) 06 (sáu) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2014/HSST ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân Quận 6, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T1 (C) chấp hành hình phạt chung 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2014.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 10/6/2015, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 187/VKS-P3, đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ án nêu trên theo hướng hủy một phần bản án hình sự phúc thẩm và bản án hình sự sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật, với lý do: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 262/2015/HSPT ngày 23/4/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T1 (C), giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với những tình tiết giải quyết về mặt dân sự mà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng cấp sơ thẩm có sai sót nhưng chỉ nêu về mặt nội dung. Tòa cấp phúc thẩm xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nội dung trên, Viện kiểm sát các cấp không kháng nghị nên không đặt vấn đề giải quyết tại tòa phúc thẩm. Về thủ tục tố tụng không có vi phạm nghiêm trọng nên chỉ cần nêu ra để cho cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm khi giải quyết các vụ án tương tự.

Tại kháng nghị số 48/QĐ-VC3-V1 ngày 20/4/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Kháng nghị bản án hình sự sơ

thẩm số 12/2015/HSST ngày 20/01/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8 và Bản án hình sự phúc thẩm số 262/2015/HSPT ngày 23/4/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 22/2017/HS-GĐT ngày 13/02/2017 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong phần nhận định có nêu các sai sót phần trách nhiệm dân sự của các bị cáo T, T1, L và L1, cụ thể:

- Tại bản án sơ thẩm nhận định các bị cáo L và T1 phải liên đới bồi thường cho anh Tô Văn P 7.000.000 đồng (Theo biên bản định giá ngày 28/4/2014 thì giá xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 60C1-24207 của anh Phi trị giá 7.100.000 đồng) nhưng biên bản nghị án và phần tuyên án lại không ghi nhận phần bồi thường này là gây bất lợi cho anh Tô Văn P.

- Theo biên bản nghị án và tại bản án sơ thẩm nhận định bị cáo Huỳnh Thanh T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Kỳ Đ 4.000.000 đồng là không đúng với kết luận định giá, gây bất lợi cho anh Đ (theo biên bản định giá ngày 28/4/2014 thì xe gắn máy hiệu Suzuki biển số 59K1-094.22 của anh Đ trị giá 40.000.000 đồng), tại phiên tòa sơ thẩm anh Đ cũng đã yêu cầu bồi thường chiếc xe trên theo kết luận định giá.

- Theo biên bản nghị án và tại bản án sơ thẩm nhận định và quyết định bị cáo Huỳnh Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho chị Huỳnh Thị L 2.500.000 đồng là không đúng với kết luận định giá, gây bất lợi cho chị L (Biên bản định giá xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59N2-420.31 của chị L trị giá 26.500.000 đồng), tại phiên tòa sơ thẩm chị L cũng đã yêu cầu bồi thường chiếc xe trên theo kết luận định giá.

- Tại bản án sơ thẩm xử buộc bị cáo Huỳnh Thanh T phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Võ Thị Thu H 27.800.000 đồng và chị Nguyễn Thị Bích A 21.700.000 đồng mà không buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T1 cùng liên đới bồi thường là gây bất lợi cho bị cáo T và các bị hại H, A, vì trong 02 vụ trộm cắp tài sản của chị H và chị A đều có bị cáo T1 tham gia.

- Tại bản án sơ thẩm xử buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Hồng V 8.500.000 đồng mà không buộc bị cáo T cùng liên đới bồi thường là thiếu sót, gây bất lợi cho bị cáo T1 và bị hại V, vì trong vụ án trộm cắp tài sản của chị V có bị cáo T tham gia.

- Tại bản án sơ thẩm xử buộc bị cáo Phạm Huỳnh Ngọc L phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Mai Thị Kim H 3.500.000 đồng là không đúng, gây bất lợi cho chị H vì trong vụ này có bị cáo L1 tham gia và theo định giá thì 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave ZX biển số 59L1-1239 có giá trị 7.000.000 đồng, Gia đình bị cáo L1 đã bồi thường 2.500.000 đồng, như vậy, bị cáo L còn phải bồi thường 4.500.000 đồng chứ không phải 3.500.000 đồng như bản án đã tuyên.

- Về phần hình phạt bổ sung: Bị cáo Huỳnh Thanh T là người chưa thành niên, tính từ thời điểm phạm tội đến ngày bị bắt là chưa đủ 18 tuổi. Tòa áp cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự để phạt bị cáo 10.000.000 đồng là không đúng. Vì theo

khoản 5 Điều 69 Bộ luật hình sự thì không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội.

Trong phần Quyết định tuyên:

1. Chấp nhận Kháng nghị số 48/QĐ-VC3-V1 ngày 20/4/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy một phần Bản án hình sự phúc thẩm số 262/2015/HS-PT ngày 23/4/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2015/HS-ST ngày 20/01/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8 về phần trách nhiệm dân sự, án phí và phần hình phạt bổ sung đối với bị cáo Huỳnh Thanh T để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên buộc các bị cáo phải bồi thường theo nhận định của Quyết định giám đốc thẩm số 22/2017/HS-GĐT ngày 13/02/2017 và sửa phần hình phạt bổ sung đối với bị cáo Huỳnh Thanh T.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa;

XÉT THẤY:

Bản án hình sự phúc thẩm số 262/2015/HS-PT ngày 23/4/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2015/HS-ST ngày 20/01/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8 có những sai sót về phần trách nhiệm dân sự, án phí và phần hình phạt bổ sung, cụ thể:

- Tại bản án sơ thẩm nhận định các bị cáo L và T1 phải liên đới bồi thường cho anh Tô Văn P 7.000.000 đồng (Theo biên bản định giá ngày 28/4/2014 thì giá xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 60C1-24207 của anh P trị giá 7.100.000 đồng) nhưng biên bản nghị án và phần tuyên án lại không ghi nhận phần bồi thường này là gây bất lợi cho anh Tô Văn P. Do đó cần buộc các bị cáo L, T1 liên đới bồi thường cho anh Tô Văn P 7.100.000 đồng. Mỗi bị cáo bồi thường 3.550.000 đồng.

- Theo biên bản nghị án và tại bản án sơ thẩm nhận định bị cáo Huỳnh Thanh T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Kỳ Đ 4.000.000 đồng là không đúng với kết luận định giá, gây bất lợi cho anh Đ (theo biên bản định giá ngày 28/4/2014 thì xe gắn máy hiệu Suzuki biển số 59K1-094.22 của anh Đ trị giá 40.000.000 đồng), tại phiên tòa hôm nay anh Đ cũng đã yêu cầu bồi thường chiếc xe trên theo kết luận định giá. Do đó cần buộc bị cáo Huỳnh Thanh T bồi thường cho anh Nguyễn Kỳ Đ số tiền 40.000.000 đồng.

- Theo biên bản nghị án và tại bản án sơ thẩm nhận định và quyết định bị cáo Huỳnh Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho chị Huỳnh Thị L 2.500.000 đồng là không đúng với kết luận định giá, gây bất lợi cho chị L (Biên bản định giá xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59N2-420.31 của chị L trị giá 26.500.000 đồng), chị L cũng đã có

đơn yêu cầu bồi thường chiếc xe trên theo kết luận định giá. Do đó cần buộc bị cáo Huỳnh Thanh T bồi thường cho Huỳnh Thị L số tiền 26.500.000 đồng.

- Tại bản án sơ thẩm xử buộc bị cáo Huỳnh Thanh T phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Võ Thị Thu H 27.800.000 đồng và chị Nguyễn Thị Bích A 21.700.000 đồng mà không buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T1 cùng liên đới bồi thường là gây bất lợi cho bị cáo T và các bị hại H, A, vì trong 02 vụ trộm cắp tài sản của chị H và chị A đều có bị cáo T1 tham gia. Do đó cần buộc các bị cáo Huỳnh Thanh T và bị cáo Nguyễn Hoàng T1 liên đới bồi thường cho chị Võ Thị Thu H 27.800.000 đồng và chị Nguyễn Thị Bích A 21.700.000 đồng. Mỗi bị cáo bồi thường cho chị Võ Thị Thu H số tiền 13.900.000 đồng; cho chị Nguyễn Thị Bích A 10.850.000 đồng.

- Tại bản án sơ thẩm xử buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Hồng V 8.500.000 đồng mà không buộc bị cáo T cùng liên đới bồi thường là thiếu sót, gây bất lợi cho bị cáo T1 và bị hại V, vì trong vụ án trộm cắp tài sản của chị V có bị cáo T tham gia. Do đó cần buộc các bị cáo Huỳnh Thanh T và bị cáo Nguyễn Hoàng T1 liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Hồng V 8.500.000 đồng. Mỗi bị cáo bồi thường số tiền 4.250.000 đồng.

- Tại bản án sơ thẩm xử buộc bị cáo Phạm Huỳnh Ngọc L phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Mai Thị Kim H 3.500.000 đồng là không đúng, gây bất lợi cho chị H vì trong vụ này có bị cáo L1 tham gia và theo định giá thì 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave ZX biên số 59L1-1239 có giá trị 7.000.000 đồng, Gia đình bị cáo L1 đã bồi thường 2.500.000 đồng, như vậy, bị cáo L còn phải bồi thường 4.500.000 đồng chứ không phải 3.500.000 đồng như bản án đã tuyên. Tuy nhiên theo đơn trình bày của chị H sau thời điểm xét xử sơ thẩm, bị cáo L1 đã bồi thường thêm cho chị H 1.000.000 đồng, do đó cần buộc bị cáo L bồi thường cho chị Mai Thị Kim H số tiền 3.500.000 đồng.

Ngoài những sai sót trên, Hội đồng xét xử thấy những phần thỏa thuận và sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo trong Bản án hình sự phúc thẩm số 262/2015/HS-PT ngày 23/4/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2015/HS-ST ngày 20/01/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8 không có sai sót, cần giữ nguyên, cụ thể:

- Các bị cáo Nguyễn Hoàng T1 và Huỳnh Thanh T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Đức Đ 7.000.000 đồng, chị Đồng Thị Thanh T 24.000.000 đồng, anh Lê Văn S 12.000.000 đồng, và vợ chồng anh Nguyễn Việt T, chị Lê Thị Kim D 9.500.000 đồng. Mỗi bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Đức Đ số tiền 3.500.000 đồng, cho chị Đồng Thị Thanh T số tiền 12.000.000 đồng, cho anh Lê Văn S số tiền 6.000.000 đồng, và cho vợ chồng anh Nguyễn Việt T, chị Lê Thị Kim D số tiền 4.750.000 đồng.

- Các bị cáo Huỳnh Thanh T và Phạm Huỳnh Ngọc L có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Đào Văn Ư 6.800.000 đồng, cho anh Đặng Minh T 4.500.000 đồng và chị Nguyễn Thị Ngọc H 8.000.000 đồng. Mỗi bị cáo bồi thường cho ông Đào Văn Ư số tiền 3.400.000 đồng, cho anh Đặng Minh T số tiền 2.250.000 đồng và cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 4.000.000 đồng.

- Bị cáo Huỳnh Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Duy P 11.000.000 đồng.

- Bị cáo Phạm Huỳnh Ngọc L có trách nhiệm bồi thường cho chị Lê Thị Kim N 9.000.000 đồng.

Đối với người bị hại Nguyễn Thị Thúy H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và tại phiên tòa không yêu cầu bồi thường gì khác nên không xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Ú đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có yêu cầu gì khác nên không đặt vấn đề giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

Về phần hình phạt bổ sung: Bị cáo Huỳnh Thanh T là người chưa thành niên, tính từ thời điểm phạm tội đến ngày bị bắt là chưa đủ 18 tuổi. Tòa áp cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự để phạt bị cáo 10.000.000 đồng là không đúng. Vì theo khoản 5 Điều 69 Bộ luật hình sự thì không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Huỳnh Thanh T.

Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 138, khoản 5 Điều 69 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T1 nộp phạt 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Huỳnh Thanh T.

- Buộc mỗi bị cáo Phạm Huỳnh Ngọc L, Nguyễn Hoàng L1 nộp phạt 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 191 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc các bị cáo Phạm Huỳnh Ngọc L, Nguyễn Hoàng T1 liên đới bồi thường cho anh Tô Văn P số tiền 7.100.000 đồng. Mỗi bị cáo bồi thường số tiền 3.550.000 đồng.

- Buộc bị cáo Huỳnh Thanh T bồi thường cho anh Nguyễn Kỳ Đ số tiền 40.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Huỳnh Thanh T bồi thường cho chị Huỳnh Thị L số tiền 26.500.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Huỳnh Thanh T và bị cáo Nguyễn Hoàng T1 liên đới bồi thường cho chị Võ Thị Thu H 27.800.000 đồng và chị Nguyễn Thị Bích A 21.700.000 đồng. Mỗi bị cáo bồi thường cho chị Võ Thị Thu H số tiền 13.900.000 đồng; cho chị Nguyễn Thị Bích A số tiền 10.850.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Huỳnh Thanh T và bị cáo Nguyễn Hoàng T1 liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Hồng V số tiền 8.500.000 đồng. Mỗi bị cáo bồi thường số tiền 4.250.000 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Huỳnh Ngọc L bồi thường cho chị Mai Thị Kim H số tiền 3.500.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng T1 và Huỳnh Thanh T liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Đức Đ 7.000.000 đồng, chị Đồng Thị Thanh T 24.000.000 đồng, anh Lê Văn S 12.000.000 đồng, và vợ chồng anh Nguyễn Việt T, chị Lê Thị Kim D 9.500.000 đồng. Mỗi bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Đức Đ số tiền 3.500.000 đồng, cho chị Đồng Thị Thanh

T số tiền 12.000.000 đồng, cho anh Lê Văn S số tiền 6.000.000 đồng, và cho vợ chồng anh Nguyễn Việt T, chị Lê Thị Kim D số tiền 4.750.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Huỳnh Thanh T và Phạm Huỳnh Ngọc L liên đới bồi thường cho ông Đào Văn U' 6.800.000 đồng, cho anh Đặng Minh T 4.500.000 đồng và chị Nguyễn Thị Ngọc H 8.000.000 đồng. Mỗi bị cáo bồi thường cho ông Đào Văn U' số tiền 3.400.000 đồng, cho anh Đặng Minh T số tiền 2.250.000 đồng và cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 4.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Huỳnh Thanh T bồi thường cho anh Nguyễn Duy P 11.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Huỳnh Ngọc L bồi thường cho chị Lê Thị Kim N 9.000.000 đồng.

- Tổng số tiền mỗi bị cáo phải bồi thường là: Bị cáo Huỳnh Thanh T bồi thường 142.400.000 đồng; bị cáo Nguyễn Hoàng T1 bồi thường 58.800.000 đồng; bị cáo Phạm Huỳnh Ngọc L bồi thường 25.700.000 đồng.

Thi hành một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Buộc các bị cáo: Huỳnh Thanh T phải chịu 7.120.000 đồng; Nguyễn Hoàng T1 phải chịu 2.940.000 đồng; Phạm Huỳnh Ngọc L chịu 1.285.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nộp phạt, tiền bồi thường thiệt hại về tài sản theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TA ND TP.HCM;
- VKS ND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKS ND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Công an Quận 8;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh